

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 23/6/2020.

“V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khắc Nhu

2. Ông Đặng Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 722/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2019, về việc: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Ngọc T - sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

***Bị đơn:** Anh Lê C – Sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/12/2019 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Lê C tự tìm hiểu yêu thương nhau và sống chung vợ chồng năm 1993 không đăng ký kết hôn nhưng đến năm 2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn, anh chị sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C và chị không hợp ý hay cãi nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa đề nghị ly hôn với anh Lê C .Về con: vợ chồng có 03 con tên: Lê Quang Đ – sinh ngày 30/01/1994, Lê Phúc A – sinh ngày 01/9/2007 và Lê Phước A1 – sinh ngày 01/9/2007. Khi ly hôn chị xin được nuôi con và không cần cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê C vắng mặt không trình bày gì.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng anh Lê C vắng mặt nên các bên đương sự không tự thỏa thuận được. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của anh Lê C không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, anh Lê C đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng nhưng không nhận chứng tỏ anh đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Tòa án đã thực hiện việc giao và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê C.

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2020 đã ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”, qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tại thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

2. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân như sau: Theo lời khai của chị Lê Thị Ngọc T và các tài liệu có tại hồ sơ thì chị Lê Thị Ngọc T và anh Lê C sống chung vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M nên là hôn nhân hợp pháp. Chị Lê Thị Ngọc T khai nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không hợp ý hay cãi vã. Từ nguyên nhân trong cuộc sống vợ chồng nêu trên thì Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị Lê Thị Ngọc T và anh Lê C đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc T.

3. Về con chung: Chị Lê Thị Ngọc T khai phù hợp các tài liệu có tại hồ sơ là vợ chồng có 03 con tên : Lê Quang Đ – sinh ngày 30/01/1994, Lê Phúc A – sinh ngày 01/9/2007 và Lê Phước A1 – sinh ngày 01/9/2007. Khi ly hôn cháu Lê Quang Đ đã lớn không yêu cầu giải quyết, còn lại Lê Phúc A – sinh ngày 01/9/2007 và Lê Phước A1 – sinh ngày 01/9/2007 chị T xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy việc chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con phù hợp quy định của pháp luật nên giao cháu Lê Phúc A – sinh ngày 01/9/2007 và Lê Phước A1 – sinh ngày 01/9/2007 cho chị T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản và nợ: Chị Lê Thị Ngọc T không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị Ngọc T là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Lê C không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc T với anh Lê C. Chị Lê Thị Ngọc T được ly hôn với anh Lê C.

- Về con chung: Giao cháu Lê Phúc A – sinh ngày 01/9/2007 và Lê Phước A1 – sinh ngày 01/9/2007 cho chị Lê Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê C có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Lê C không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí, lệ phí: Chị Lê Thị Ngọc T là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị T đã nộp đủ 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0028870 ngày 04/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không phải nộp nữa.

Anh Lê C không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Lê C vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Thanh Quang